

Bản án số: **153/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 10/8/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Luân

2. Bà Phan Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018, về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Thế Q**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Đào Thị S**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị Đào Thị S đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tạ Thế Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đào Thị S được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 30/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ tôi ở thôn C, xã Y, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 23/3/2015 chị S đã tự ý bỏ nhà đi đâu, làm gì tôi và gia đình hai bên không biết. Sau khi chị S bỏ đi tôi đã tìm kiếm chị S nhiều nơi, nhưng không biết chị S ở đâu, làm gì và số điện thoại như thế nào. Do không có tin tức gì về chị S và chị S cũng không liên lạc gì với tôi và gia đình hai bên, nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố chị S mất tích theo quy định. Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST, ngày

19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, đã tuyên bố chị Đào Thị S mất tích kể từ ngày 23/3/2015. Sau khi Tòa án tuyên bố chị S mất tích, tôi không thấy chị S trở về nhà và cũng không thấy chị S liên lạc gì cho tôi và hai bên gia đình. Vì vậy, tôi có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho tôi được ly hôn với chị S theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và chị Đào Thị S có một người con chung là cháu Tạ Duy K, sinh ngày 23/01/2013. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Duy K.

Về tài sản chung và tài sản cho vay, tài sản vay nợ chung: Tôi và chị Đào Thị S không có, nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết khi ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tạ Thế Q là xử cho anh Tạ Thế Q được ly hôn với chị Đào Thị S và giao con chung là cháu Tạ Duy K cho anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Tạ Thế Q phải chịu tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn chị Đào Thị S đã bị Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố mất tích kể từ ngày 23/3/2015, theo Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST, ngày 19/3/2018 đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú, sinh sống của chị S, nhưng chị S vắng mặt, nên xét xử vắng mặt chị S theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tạ Thế Q và chị Đào Thị S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H vào năm 2012; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Q và chị S sinh sống tại gia đình nhà chồng ở thôn C, xã Y, huyện H. Đến ngày 23/3/2015 chị S đã tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ. Sau khi chị S bỏ đi, anh Q đã tìm kiếm nhiều lần, nhưng không biết chị S đi đâu, ở đâu, làm gì. Từ khi chị S bỏ đi anh Q không có tin tức gì về chị S, nên anh Q có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị S mất tích.

Quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích, anh Q và Tòa án nhân dân huyện H đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, tuy nhiên hết thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú vẫn không có tin tức gì của chị S. Tòa án nhân dân huyện H giải quyết và quyết định tuyên bố chị Đào Thị S mất tích kể từ ngày 23/3/2015 theo Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST, ngày 19/3/2018 đến nay quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Qua xác minh tại thôn C, xã Y, huyện H được biết, kể từ khi Tòa án tuyên bố chị S mất tích cho đến nay không thấy chị S về địa phương, gia đình và địa phương không biết chị S hiện làm gì, ở đâu và không có tin tức gì về chị S. Xác minh tại địa phương nơi mẹ đẻ của chị Đào Thị S là bà Ma Thị Q ở thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang,

cho biết sau khi kết hôn với anh Tạ Thế Q cho đến năm 2015 trở lại đây chị S không trở về thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Hiện chị S làm gì, ở đâu gia đình và địa phương không biết, không có tin tức gì của chị S, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu xin ly hôn của anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Tạ Thế Q và chị Đào Thị S có 01 người con chung là Tạ Duy K, sinh ngày 23/01/2013. Do chị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên giao cháu K cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung; tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Anh Q xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Tạ Thế Q phải chịu tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 147; 227; 228; 235; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Tạ Thế Q được ly hôn với chị Đào Thị S.
2. *Về con chung*: Giao cháu Tạ Duy K, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2013 cho anh Tạ Thế Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
3. *Về án phí*: Anh Tạ Thế Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0003947, ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí.
4. *Về quyền kháng cáo*: - Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Chị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn